



DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH

**Kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025),
Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

I. THỜI GIAN TỔ CHỨC: 03 ngày, từ ngày 09/12/2025 đến ngày 11/12/2025 (Khai mạc lúc 07 giờ 30 phút, ngày 09/12/2025).

II. ĐỊA ĐIỂM: Phòng họp C, tầng 3, Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh (Số 52 Hùng Vương, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi).

III. NỘI DUNG KỲ HỌP

1. Khai mạc.

2. Phát biểu chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy.

3. Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh

3.1. Hoạt động của HĐND tỉnh năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

3.2. Kết quả giám sát, khảo sát của Thường trực và các Ban của HĐND tỉnh 6 tháng cuối năm 2025.

3.3. Kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

3.4. Đánh giá kết quả giải quyết kiến nghị sau giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND và Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

3.5. Đánh giá kết quả giải quyết các ý kiến chất vấn, giải trình của Thường trực HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh.

3.6. Về những vấn đề Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh

4.1. Tình hình công tác năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

4.2. Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 05 năm 2021 - 2025; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 05 năm 2026 - 2030.

4.3. Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2025; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026.

4.4. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

4.5. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

4.6. Kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2025.

4.7. Tình hình tạm ứng, ứng trước ngân sách đến thời điểm 31/12/2025.

4.8. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

4.9. Công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2026.

4.10. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025; phương hướng nhiệm vụ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4.11. Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

4.12. Kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri và kết quả giải quyết các kiến nghị bức xúc của cử tri trước kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 (nếu có).

4.13. Kết quả giải quyết các ý kiến chất vấn, giải trình của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4.14. Kết quả giải quyết các kiến nghị sau giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4.15. Tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân trên địa bàn tỉnh năm 2025.

4.16. Việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em trên địa bàn tỉnh năm 2025.

4.17. Công tác phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh năm 2025.

4.18. Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn tỉnh năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

4.19. Kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2025, nhiệm vụ năm 2026.

4.20. Tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã.

4.21. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2025.

4.22. Báo cáo việc phân bổ, giao dự toán một số khoản chi của ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chưa phân bổ chi tiết tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2025 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 và Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền năm 2025, nhiệm vụ năm 2026.

6. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh báo cáo kết quả công tác năm 2025 và

nhiệm vụ năm 2026.

7. Tòa án nhân dân tỉnh báo cáo kết quả công tác năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

8. Thi hành án dân sự tỉnh báo cáo kết quả công tác năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

9. Đoàn Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân tỉnh báo cáo tình hình hoạt động năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

10. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

11. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết:

11.1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

11.2. Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương.

11.3. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

11.4. Kế hoạch tài chính 05 năm, giai đoạn 2026 - 2030.

11.5. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026.

11.6. Danh mục bổ sung công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.7. Chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án công trình quốc phòng của Lữ đoàn 293 - Binh chủng Công binh - Bộ Quốc phòng.

11.8. Quyết định danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (đợt 6).

11.9. Quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

11.10. Điều chỉnh Chương trình Phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

11.11. Áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ), Kon Tum (cũ) về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.12. Giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính của cấp tỉnh, cấp xã năm 2026.

11.13. Giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của cấp tỉnh, cấp xã năm 2026.

11.14. Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với học sinh trường trung học phổ thông chuyên thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

11.15. Quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2025-2026.

11.16. Quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.17. Quy định nội dung và mức chi tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.18. Quy định về chính sách, mức chi quà tặng, hỗ trợ người có công với cách mạng, đối tượng hưu trí và mất sức lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.19. Quy định phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

11.20. Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã và các nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2026 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.21. Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.22. Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.23. Phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.24. Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.25. Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.26. Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.27. Quy định nhiệm vụ chi về đa dạng sinh học của ngân sách tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.28 Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.29. Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.30. Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.31. Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.32. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.33. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.34. Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất đồng thời ban hành bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026.

11.35. Quy định mức thu phí không đồng trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

11.36. Bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

12. Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh.

13. Kỳ họp sẽ xem xét, biểu quyết thông qua các nghị quyết về những nội dung Thường trực HĐND tỉnh và UBND tỉnh trình HĐND tỉnh nêu tại khoản 11 và khoản 12 nêu trên.

14. Phát biểu của Chủ tịch UBND tỉnh.

15. Bế mạc.

THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH

